

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu, Việt Nam

---

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-34

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492031000061 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 16 tháng 02 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20/03/2015
Ông Bùi Văn Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20/03/2015
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	
Ông Hồ Quang Thiệp	Thành viên	
Ông Tạ Ngọc Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Đại	Thành viên	
Bà Võ Thị Lê Châu	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Đại	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Thọ	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Thùy Trang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 10/4/2015
Ông Nguyễn Minh Huy	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 10/04/2015
Bà Nguyễn Trần Bảo Ngọc	Thành viên	
Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/4/2015

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu, Việt Nam

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 01 năm 2016

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất được lập ngày 20 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

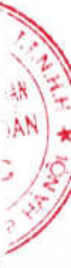
### Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2015, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 257,15 tỷ VND (nợ ngắn hạn lớn gấp 5,6 lần tài sản ngắn hạn); lỗ lũy kế đến 31/12/2015 là 285,728 tỷ VND; Vốn chủ sở hữu âm 84,958 tỷ VND. Những sự kiện này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày tại Thuyết minh số 1.

### Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán năm 2014 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C thực hiện với ý kiến chấp nhận toàn phần và bổ sung vấn đề cần nhấn mạnh về các dấu hiệu dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Nguyễn Quốc Dũng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0285-2013-002-1

**Trần Quang Mậu**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0668-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>55.953.482.763</b>	<b>62.249.529.243</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>1.900.933.938</b>	<b>1.839.936.184</b>
111	1. Tiền		1.900.933.938	1.839.936.184
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>6.356.193.906</b>	<b>14.160.679.923</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	732.076.834	5.082.738.463
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.146.797.303	7.394.536.361
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	4.477.319.769	1.683.405.099
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	6	<b>46.132.209.919</b>	<b>45.550.680.844</b>
141	1. Hàng tồn kho		46.147.862.428	45.564.026.562
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(15.652.509)	(13.345.718)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.564.145.000</b>	<b>698.232.292</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.511.609.099	441.000.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.076.744	189.840.003
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	51.459.157	67.392.289
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>414.280.486.042</b>	<b>447.314.918.628</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>408.406.224.651</b>	<b>436.564.653.754</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	408.406.224.651	436.564.653.754
222	- Nguyên giá		540.620.465.697	540.387.065.697
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(132.214.241.046)	(103.822.411.943)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.874.261.391</b>	<b>10.750.264.874</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	5.874.261.391	10.750.264.874
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>470.233.968.805</b>	<b>509.564.447.871</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>555.192.626.639</b>	<b>543.882.312.764</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>313.107.603.904</b>	<b>316.904.210.029</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	109.121.319.913	99.061.999.030
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		11.892.928.665	6.228.056.164
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	1.098.562.788	-
314	4. Phải trả người lao động		577.590.814	891.833.992
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	60.655.270.731	48.019.961.899
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	12	345.341.413	219.564.711
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	128.755.029.966	161.620.884.619
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		661.559.614	861.909.614
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>242.085.022.735</b>	<b>226.978.102.735</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	242.085.022.735	226.978.102.735
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(84.958.657.834)</b>	<b>(34.317.864.893)</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>14</b>	<b>(84.958.657.834)</b>	<b>(34.317.864.893)</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		769.839.744	769.839.744
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(285.728.497.578)	(235.087.704.637)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(235.819.029.168)	(214.145.525.512)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(49.909.468.410)	(20.942.179.125)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>470.233.968.805</b>	<b>509.564.447.871</b>



Lê Thúy Trinh  
Người lập



Trần Sơn Châu  
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 01 năm 2016



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	705.938.465.268	570.604.006.516
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	4.368.030.169	8.373.427.993
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		701.570.435.099	562.230.578.523
11	4. Giá vốn hàng bán	18	700.331.277.683	535.229.906.122
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.239.157.416	27.000.672.401
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	30.195.785	1.611.342.868
22	7. Chi phí tài chính	20	42.497.846.090	42.170.678.503
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		30.426.877.181	32.954.720.074
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	8.549.713.745	8.394.290.757
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(49.778.206.634)	(21.952.953.991)
31	11. Thu nhập khác	22	535.859.520	1.270.180.662
32	12. Chi phí khác	23	667.121.296	259.405.796
40	13. Lợi nhuận khác		(131.261.776)	1.010.774.866
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(49.909.468.410)	(20.942.179.125)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(49.909.468.410)	(20.942.179.125)

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*



**Lê Thúy Trinh**  
Người lập

**Trần Sơn Châu**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Văn Đại**  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 01 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(49.909.468.410)	(20.942.179.125)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		28.391.829.103	28.450.058.954
03	- Các khoản dự phòng		2.306.791	13.345.718
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		6.446.654.421	2.955.150.000
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(26.925.042)	(77.975.340)
06	- Chi phí lãi vay		30.426.877.181	32.954.720.074
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		15.331.274.044	43.353.120.281
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		8.009.182.408	(9.627.527.714)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(583.835.866)	(12.542.233.854)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		15.830.589.291	18.694.019.192
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.805.394.384	8.231.345.842
14	- Tiền lãi vay đã trả		(17.740.034.243)	(27.746.723.152)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(13.133.396)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(200.350.000)	(1.706.770.617)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		24.439.086.622	18.655.229.978
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(233.400.000)	(231.545.455)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		26.925.042	77.975.340
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(206.474.958)	(153.570.115)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		83.877.197.805	56.777.399.639
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(108.048.832.458)	(77.785.460.550)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(24.171.634.653)	(21.008.060.911)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		60.977.011	(2.506.401.048)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.839.936.184	4.346.337.232
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		20.743	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>1.900.933.938</u>	<u>1.839.936.184</u>

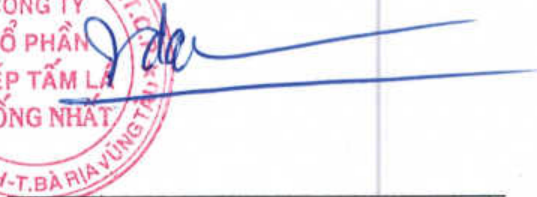


Lê Thúy Trinh  
Người lập



Trần Sơn Châu  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 01 năm 2016



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2015*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492031000061 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 16 tháng 02 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán.
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Tại thời điểm 31/12/2015, lỗ lũy kế của Công ty là 285.728.497.578 đồng, vượt vốn đầu tư của chủ sở hữu là 84.958.657.834 đồng. Ngoài ra tại thời điểm này, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn một khoản là 257.154.121.141 đồng (gấp nợ ngắn hạn gấp 5,6 lần tài sản ngắn hạn). Tuy nhiên các khoản nợ vay ngân hàng của Công ty được Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP bảo lãnh và các khoản nợ khác của Công ty trong cùng Tổng Công ty được cho trả dần nợ trong nhiều năm cho đến khi Công ty có đủ khả năng trả nợ. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả bên ngoài vẫn được thanh toán đúng tiến độ và không có nợ quá hạn. Các hợp đồng sản xuất và gia công vẫn đảm bảo cho Công ty hoạt động, thanh toán lãi và nợ gốc đến hạn. Do vậy Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 vẫn được lập dựa trên giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

0011  
CỘNG HÒA  
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM  
AA  
KIỂM

## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 29.

## **2.4 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



## **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.8 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành ở mỗi giai đoạn sản xuất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.9 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

**2.10 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.11 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.12 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.13 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.14 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.15 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**2.16 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.18 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.19 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

**2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp****a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**b) Ưu đãi thuế**

Thuế suất 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 28% (nay là 22%) lợi nhuận thu được trong các năm tiếp theo.

Miễn thuế TNDN trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẮM LÁ THỐNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	295.604.389	17.864.526
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.605.329.549	1.822.071.658
	<b>1.900.933.938</b>	<b>1.839.936.184</b>

**4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty TNHH MTV Thép Tắm lá Phú Mỹ	511.923.989	-
- Công ty Cổ phần Maruichisun Steel	213.591.950	-
- Công ty Tôn Phương Nam	-	5.011.206.538
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6.560.895	71.531.925
	<b>732.076.834</b>	<b>5.082.738.463</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	732.076.834	5.082.738.463
	<b>732.076.834</b>	<b>5.082.738.463</b>
<b>c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>511.923.989</b>	<b>3.929.449</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28.		

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	146.974.400	-	131.465.780	-
Ký cược, ký quỹ	4.156.441.920	-	1.413.920.617	-
Phải thu khác	173.903.449	-	138.018.702	-
	<b>4.477.319.769</b>	<b>-</b>	<b>1.683.405.099</b>	<b>-</b>

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	30.234.031.896	-	44.566.469.742	-
Công cụ, dụng cụ	39.791.647	-	43.694.408	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.359.626.795	-	432.097.071	-
Thành phẩm	1.514.412.090	(15.652.509)	521.765.341	(13.345.718)
	<b>46.147.862.428</b>	<b>(15.652.509)</b>	<b>45.564.026.562</b>	<b>(13.345.718)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**7 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	74.830.811.937	444.450.642.360	19.925.625.063	1.179.986.337	540.387.065.697
- Mua sắm trong năm	-	233.400.000	-	-	233.400.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>74.830.811.937</b>	<b>444.684.042.360</b>	<b>19.925.625.063</b>	<b>1.179.986.337</b>	<b>540.620.465.697</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	8.947.775.428	84.623.230.213	9.440.229.374	811.176.928	103.822.411.943
- Khấu hao trong năm	2.088.244.884	24.151.596.955	1.987.825.164	164.162.100	28.391.829.103
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.036.020.312</b>	<b>108.774.827.168</b>	<b>11.428.054.538</b>	<b>975.339.028</b>	<b>132.214.241.046</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	65.883.036.509	359.827.412.147	10.485.395.689	368.809.409	436.564.653.754
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>63.794.791.625</b>	<b>335.909.215.192</b>	<b>8.497.570.525</b>	<b>204.647.309</b>	<b>408.406.224.651</b>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 338.957.852.867 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.459.605.955 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa tài sản	-	441.000.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.511.609.099	-
	<u><b>1.511.609.099</b></u>	<u><b>441.000.000</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ và sửa chữa máy	5.874.261.391	8.401.323.736
Chi phí đào tạo nhân viên	-	448.602.804
Chi phí sửa chữa lớn	-	1.900.338.334
	<u><b>5.874.261.391</b></u>	<u><b>10.750.264.874</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT****Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV Thép Tâm lá Phú Mỹ	28.547.915.650	28.547.915.650	28.492.959.043	28.492.959.043
- Công ty CP Kim khí Hồ Chí Minh	56.820.220.480	56.820.220.480	56.396.880.620	56.396.880.620
- Công ty CP Thép TVP	13.211.602.610	13.211.602.610	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	10.541.581.173	10.541.581.173	14.172.159.367	14.172.159.367
	<b>109.121.319.913</b>	<b>109.121.319.913</b>	<b>99.061.999.030</b>	<b>99.061.999.030</b>
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
- Phải trả người bán ngắn hạn	109.121.319.913	109.121.319.913	99.061.999.030	99.061.999.030
	<b>109.121.319.913</b>	<b>109.121.319.913</b>	<b>99.061.999.030</b>	<b>99.061.999.030</b>
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28.)	85.368.136.130	85.368.136.130	84.889.839.663	84.889.839.663

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	3.581.169.555	2.482.606.767	-	1.098.562.788
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	692.457.631	692.457.631	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	13.133.396	13.133.396	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	67.392.289	-	487.348.335	471.415.203	51.459.157	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	31.080.000	31.080.000	-	-
	<b>67.392.289</b>	<b>-</b>	<b>4.810.188.917</b>	<b>3.695.692.997</b>	<b>51.459.157</b>	<b>1.098.562.788</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**11 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	26.590.478.057	16.339.018.246
- Lãi chậm trả công nợ mua nguyên liệu	33.284.373.760	30.848.990.633
- Lương phép và lương tháng 13	637.359.822	-
- Chi phí vệ sinh nhà xưởng công nghiệp	30.150.000	30.150.000
- Thuê nhà nghỉ ca	42.000.000	67.500.000
- Chi phí phải trả khác	70.909.092	734.303.020
	<u><u>60.655.270.731</u></u>	<u><u>48.019.961.899</u></u>

**12 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	12.841.998	17.325.823
- Bảo hiểm xã hội	11.732.216	-
- Thuế TNCN khấu trừ thừa của CBCNV	60.070.352	28.496.171
- Tiền thuế Công ty Tenova nộp hộ	138.931.916	173.742.717
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	121.764.931	-
	<u><u>345.341.413</u></u>	<u><u>219.564.711</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng CFC	19.985.859.143	19.985.859.143	11.241.733.315	31.227.592.458	-	-
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (1)	76.323.025.476	76.323.025.476	41.357.464.490	3.000.000.000	114.680.489.966	114.680.489.966
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>						
- Hợp đồng đồng tài trợ giữa Vietcombank và CFC (2,3)	65.312.000.000	65.312.000.000	8.616.130.000	59.853.590.000	14.074.540.000	14.074.540.000
	65.312.000.000	65.312.000.000	8.616.130.000	59.853.590.000	14.074.540.000	14.074.540.000
	<b>161.620.884.619</b>	<b>161.620.884.619</b>	<b>61.215.327.805</b>	<b>94.081.182.458</b>	<b>128.755.029.966</b>	<b>128.755.029.966</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn hợp đồng đồng tài trợ giữa Vietcombank và CFC (2,3)	292.290.102.735	292.290.102.735	31.278.000.000	67.408.540.000	256.159.562.735	256.159.562.735
	<b>292.290.102.735</b>	<b>292.290.102.735</b>	<b>31.278.000.000</b>	<b>67.408.540.000</b>	<b>256.159.562.735</b>	<b>256.159.562.735</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(65.312.000.000)	(65.312.000.000)	(8.616.130.000)	(59.853.590.000)	(14.074.540.000)	(14.074.540.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>226.978.102.735</b>	<b>226.978.102.735</b>			<b>242.085.022.735</b>	<b>242.085.022.735</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Đây là khoản Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP trả thay nợ gốc và lãi vay của Công ty đối với các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; lãi suất là 6,5%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2015 là 114.680.489.966 đồng.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

Khoản vay đồng tài trợ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh và Công ty Tài chính Cổ phần Xi Măng (CFC) bao gồm 02 hợp đồng vay sau:

- (2) Hợp đồng tín dụng số 0012/ĐTDA/10CD ngày 12 tháng 04 năm 2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 132.650.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: thanh toán chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư dự án Nhà máy thép cán nguội Thống Nhất;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
  - + Lãi suất cho vay: được tính bằng công thức: lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng + lãi suất biên VND;
  - + Số dư tại ngày 31/12/2015 là: 73.608.102.735 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 73.298.102.735 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự án gồm: tài sản gắn liền trên đất, máy móc thiết bị, các tài sản khác thuộc Dự án.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 0017/ĐTDA/09CN ngày 23 tháng 04 năm 2009, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 15.000.000 USD;
  - + Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư dự án Nhà máy thép cán nguội Thống Nhất bao gồm: chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lấy vay trong thời gian xây dựng;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
  - + Lãi suất cho vay: được tính bằng công thức: lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng + lãi suất biên USD;
  - + Số dư tại ngày 31/12/2015 là: 182.551.460.000 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 168.786.920.000 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự án gồm: tài sản gắn liền trên đất, máy móc thiết bị, các tài sản khác thuộc Dự án.

**d) Các khoản vay đối với các bên liên quan**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Vay	114.680.489.966	20.188.142.638	76.323.025.476	13.131.348.883
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP <sup>(1)</sup>	114.680.489.966	20.188.142.638	76.323.025.476	13.131.348.883
	<b>114.680.489.966</b>	<b>20.188.142.638</b>	<b>76.323.025.476</b>	<b>13.131.348.883</b>

Ghi chú:

- (1) Thành viên góp vốn

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>200.000.000.000</b>	-	-	<b>(212.220.926.154)</b>	<b>(12.220.926.154)</b>	
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	(20.942.179.125)	(20.942.179.125)	
Phân phối lợi nhuận	-	769.839.744	769.839.744	(1.924.599.358)	(1.154.759.614)	
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>769.839.744</b>	<b>769.839.744</b>	<b>(235.087.704.637)</b>	<b>(34.317.864.893)</b>	
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>769.839.744</b>	<b>769.839.744</b>	<b>(235.087.704.637)</b>	<b>(34.317.864.893)</b>	
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	(49.909.468.410)	(49.909.468.410)	
Điều chỉnh thuế phải nộp bổ sung của các năm trước	-	-	-	(586.466.592)	(586.466.592)	
Giảm khác (*)	-	-	-	(144.857.939)	(144.857.939)	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>769.839.744</b>	<b>769.839.744</b>	<b>(285.728.497.578)</b>	<b>(84.958.657.834)</b>	

(\*) Điều chỉnh tiền lương tháng thứ 13 của năm 2014 chưa hạch toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam	31,25%	62.494.810.000	31,25%	62.494.810.000
Công ty Tôn Phương Nam	5,00%	10.000.000.000	5,00%	10.000.000.000
Công ty CP Kim khí Hồ Chí Minh	7,00%	14.000.000.000	7,00%	14.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Thép Mười Đây	1,40%	2.800.000.000	1,40%	2.800.000.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC	7,00%	14.000.000.000	7,00%	14.000.000.000
Công ty CP Tài chính Xi Măng	6,00%	11.999.090.000	6,00%	11.999.090.000
Vốn góp của các cổ đông khác	42,35%	84.706.100.000	42,35%	84.706.100.000
	<b>100%</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>200.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	200.000.000.000	200.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	769.839.744	769.839.744
	<b>769.839.744</b>	<b>769.839.744</b>

**15 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại	31/12/2015	01/01/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	204,62	264,94

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	666.070.523.217	471.107.938.440
Doanh thu gia công	28.363.553.960	92.802.387.157
Doanh thu bán phế liệu	11.504.388.091	6.693.680.919
	<u>705.938.465.268</u>	<u>570.604.006.516</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28.)	<u>235.732.507.565</u>	<u>92.696.928.851</u>

**17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.399.550	8.288.222.893
Hàng bán bị trả lại	3.762.272.958	76.805.100
Giảm giá hàng bán	601.357.661	8.400.000
	<u>4.368.030.169</u>	<u>8.373.427.993</u>

**18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	663.482.447.680	478.311.614.866
Giá vốn gia công	24.616.180.029	50.226.485.908
Giá vốn bán phế liệu	12.230.343.183	6.678.459.630
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.306.791	13.345.718
	<u>700.331.277.683</u>	<u>535.229.906.122</u>

**19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	26.925.042	98.329.570
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.270.743	1.513.013.298
	<u>30.195.785</u>	<u>1.611.342.868</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	16.124.095.439	19.966.349.915
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	14.302.781.742	12.988.370.159
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.624.314.488	2.955.150.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	6.446.654.421	6.260.808.429
	<b>42.497.846.090</b>	<b>42.170.678.503</b>

**21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.716.634	61.845.676
Chi phí nhân công	3.199.948.423	3.138.050.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định	356.355.624	434.785.812
Thuế, phí, lệ phí	-	20.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.857.059.170	2.795.871.668
Chi phí khác bằng tiền	2.090.633.894	1.943.736.805
	<b>8.549.713.745</b>	<b>8.394.290.757</b>

**22 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Xử lý công nợ	531.962.334	-
Tiền phạt thu được	-	1.163.769.064
Thu nhập từ bán phế liệu	-	48.606.542
Thu nhập khác	3.897.186	57.805.056
	<b>535.859.520</b>	<b>1.270.180.662</b>

**23 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tiền đền bù vi phạm hợp đồng	143.038.918	98.611.200
Các khoản bị phạt thuế	305.734.757	16.367.697
Chi phí khác	218.347.621	144.426.899
	<b>667.121.296</b>	<b>259.405.796</b>

**24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	618.880.340.835	498.300.048.548
Chi phí nhân công	11.035.332.192	10.632.142.517
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.391.829.103	28.450.058.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.135.672.035	21.233.710.169
Chi phí khác bằng tiền	6.029.605.353	4.854.835.287
	<b>701.472.779.518</b>	<b>563.470.795.475</b>

**25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.900.933.938	-	1.839.936.184	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.209.396.603	-	6.766.143.562	-
	<b>7.110.330.541</b>	<b>-</b>	<b>8.606.079.746</b>	<b>-</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	370.840.052.701	388.598.987.354
Phải trả người bán, phải trả khác	109.466.661.326	99.281.563.741
Chi phí phải trả	60.655.270.731	48.019.961.899
	<b>540.961.984.758</b>	<b>535.900.512.994</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.900.933.938	-	-	1.900.933.938
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.209.396.603	-	-	5.209.396.603
	<u>7.110.330.541</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>7.110.330.541</u>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.839.936.184	-	-	1.839.936.184
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.766.143.562	-	-	6.766.143.562
	<u>8.606.079.746</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.606.079.746</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Vay và nợ	128.755.029.966	242.085.022.735	-	370.840.052.701
Phải trả người bán, phải trả khác	109.466.661.326	-	-	109.466.661.326
Chi phí phải trả	60.655.270.731	-	-	60.655.270.731
	<u>298.876.962.023</u>	<u>242.085.022.735</u>	<u>-</u>	<u>540.961.984.758</u>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Vay và nợ	161.620.884.619	226.978.102.735	-	388.598.987.354
Phải trả người bán, phải trả khác	99.281.563.741	-	-	99.281.563.741
Chi phí phải trả	48.019.961.899	-	-	48.019.961.899
	<u>308.922.410.259</u>	<u>226.978.102.735</u>	<u>-</u>	<u>535.900.512.994</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**26 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>a) Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	83.877.197.805	56.777.399.639
<b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	108.048.832.458	77.785.460.550

**27 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
<b>Doanh thu</b>		<b>235.732.507.565</b>	<b>92.696.928.851</b>
Công ty Tôn Phương Nam	Cổ đông sáng lập	160.990.083.615	64.682.941.851
Công ty CP Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	Công ty con của TCT	71.755.891.700	28.013.987.000
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Công ty con của TCT	2.986.532.250	-
<b>Mua hàng</b>		<b>111.924.769.797</b>	<b>81.249.476.786</b>
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Công ty con của TCT	21.133.792.702	32.990.246.621
Công ty CP Kim khí HCM	Cổ đông sáng lập	86.677.345.245	48.259.230.165
Công ty CP Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	Công ty con của TCT	4.113.631.850	-
<b>Lãi trả chậm</b>		<b>2.472.283.587</b>	<b>2.804.868.761</b>
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Công ty con của TCT	2.472.283.587	2.804.868.761
<b>Lãi bảo lãnh của TCT</b>		<b>7.056.793.755</b>	<b>5.349.905.484</b>
Tổng Công ty Thép Việt Nam	Cổ đông sáng lập	7.056.793.755	5.349.905.484

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>511.923.989</b>	<b>3.929.449</b>
Công ty TNHH Thép Tấm lá Phú Mỹ	Công ty con của TCT	511.923.989	-
Công ty Tôn Phương Nam	Cổ đông sáng lập	-	3.929.449
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>85.368.136.130</b>	<b>84.889.839.663</b>
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Công ty con của TCT	28.547.915.650	28.492.959.043
Công ty CP Kim khí HCM	Cổ đông sáng lập	56.820.220.480	56.396.880.620
<b>Người mua trả tiền trước</b>		<b>11.575.678.931</b>	-
Công ty Tôn Phương Nam	Cổ đông sáng lập	6.776.221.599	-
Công ty CP Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	Công ty con của TCT	4.799.457.332	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

<b>Lãi trả chậm</b>		<b>33.284.373.760</b>	<b>30.831.236.423</b>
Công ty CP Kim khí HCM	Cổ đông sáng lập	12.347.583.441	9.894.445.104
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Công ty con của TCT	10.158.875.813	10.158.875.813
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông sáng lập	10.777.915.506	10.777.915.506
<b>Vay của Tổng Công ty</b>		<b>114.680.489.966</b>	<b>76.323.025.476</b>
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông sáng lập	114.680.489.966	76.323.025.476
<b>Lãi vay của Tổng Công ty</b>		<b>20.188.142.638</b>	<b>13.131.348.883</b>
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông sáng lập	20.188.142.638	13.131.348.883

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	757.072.111	712.695.321



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**29 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		Thay đổi	
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số		Tên khoản mục
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>					
135	5. Các khoản phải thu khác	138.018.702	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	1.545.386.397
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	1.545.386.397	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	200.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	384.919.872	411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	200.000.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	384.919.872	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	769.839.744
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(235.087.704.637)	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(235.087.704.637)
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối	(214.145.525.512)
			421b	- LNST chưa phân phối năm này	(20.942.179.125)

**Lê Thủy Trinh**  
Người lập

**Trần Sơn Châu**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Văn Đại**  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 01 năm 2016

